

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH THÁI BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc L - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 106/2022/HNGĐ-ST

Ngày 28-12-2022

V/v Tranh chấp hôn nhân gia đình

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH THÁI BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Phương Thảo.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Thế Hiệp.

2. Bà Vũ Thị Lan Anh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Sáng - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Thái Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Bình tham gia phiên tòa:
Bà Đỗ Thị Thái - Kiểm sát viên.

Trong ngày 28 tháng 12 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Thái Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 95/2022/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 8 năm 2022 về “Tranh chấp hôn nhân và gia đình” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 119/2022/QĐST-HNGĐ ngày 12 tháng 12 năm 2022 giữa các đương sự:

*** Nguyên đơn:** Anh **Đỗ Đức G** - Sinh năm 1996.

ĐKKHKT: Thôn HT, xã VH, huyện VT, tỉnh Thái Bình.

Địa chỉ hiện nay: Số nhà X, đường TS, quận ĐV, thành phố DB, Đài Loan.

*** Bị đơn:** Chị **Nguyễn Thị D** - Sinh năm 1996.

ĐKKHKT: Thôn HT, xã VH, huyện VT, tỉnh Thái Bình.

Địa chỉ hiện nay: No X, Lu Y S Rd, xiuzhuang Dist New Taipei City 242 Taiwan (Đài Loan).

*** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:** Bà **Vũ Thị L** - Sinh năm 1976.

Địa chỉ: Thôn HT, xã VH, huyện VT, tỉnh Thái Bình.

(Anh G, chị D, bà L có đơn đề nghị giải quyết, xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Nguyên đơn - anh Đỗ Đức G trình bày:* Anh và chị Nguyễn Thị D kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã VH, huyện VT, tỉnh Thái Bình ngày 02/12/2019. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm về cách sống và phương pháp nuôi dạy con chung. Đầu năm 2020, anh và chị D cùng sang Đài Loan sinh sống và làm việc. Thời gian ở Đài Loan, vợ chồng vẫn thường xuyên xảy ra mâu thuẫn căng thẳng, hai bên đã nhiều lần nói chuyện để giải quyết mâu thuẫn và cho nhau thêm cơ hội nhưng tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn được nên anh và chị D đã sống ly thân từ tháng 10/2020 đến nay. Nay anh xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, anh đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn chị Nguyễn Thị D.

Anh và chị Nguyễn Thị D có 01 con chung là Đỗ HA, sinh ngày 30/9/2015 (con sinh trước khi anh và chị D đăng ký kết hôn). Hiện nay con chung đang do mẹ anh chăm sóc, nuôi dưỡng. Ly hôn, anh đề nghị được nuôi con chung và không yêu cầu chị D cấp dưỡng. Do anh đang sinh sống và làm việc tại Đài Loan nên không trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung được, anh ủy quyền cho bà Vũ Thị L (mẹ anh) nuôi con giúp anh đến khi anh về nước.

Anh và chị Nguyễn Thị D không có tài sản chung và vay nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Tại bản tự khai; Đơn đề nghị về việc giải quyết, xét xử vắng mặt; Bị đơn - chị Nguyễn Thị D trình bày:* Chị và anh Đỗ Đức G kết hôn trên cơ sở tự nguyện, được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới truyền thống vào năm 2014 và sau đó làm thủ tục đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã VH, huyện VT, tỉnh Thái Bình ngày 02/12/2019. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hòa thuận, hạnh phúc đến đầu năm 2020 chị và anh G cùng đi xuất khẩu lao động tại Đài Loan, từ đó vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, thường xuyên xảy ra tranh cãi căng thẳng. Tháng 10/2020, vợ chồng sống ly thân, tự lo liệu cuộc sống riêng không ai quan tâm đến cuộc sống của nhau. Nay anh G xin ly hôn chị đồng ý.

Chị và anh Đỗ Đức G có 01 con chung là Đỗ HA, sinh ngày 30/9/2015, hiện nay con chung HA đang do mẹ anh G nuôi dưỡng, chăm sóc. Ly hôn chị đồng ý giao con chung cho anh Đỗ Đức G nuôi dưỡng, chị và gia đình bên ngoại có quyền được thăm nom, chăm sóc đưa đón con theo quy định của pháp luật. Đến khi con chung 18 tuổi nếu cháu có ý định thay đổi muốn ở với mẹ hay bất cứ lý do nào con chung ở với anh G không đảm bảo về thể chất và tinh thần thời điểm đó chị sẽ đề nghị Tòa án giải quyết yêu cầu thay đổi quyền nuôi con. Chị và anh G tự thỏa thuận về cấp dưỡng nuôi con, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Hiện nay, chị và anh Đỗ Đức G đang sinh sống và làm việc tại Đài Loan nên không thể trực tiếp nuôi con được. Chị nhất trí anh G ủy quyền cho bà Vũ Thị L (mẹ anh G) nuôi con HA giúp chị và anh G trong thời gian chị và anh G đi lao động làm ăn xa nhà.

Chị và anh Đỗ Đức G không có tài sản chung và vay nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Do anh Đỗ Đức G và chị Nguyễn Thị D đang sinh sống và làm việc tại Đài Loan nên không thể về Việt Nam tham gia tố tụng tại Tòa án, anh chị có đơn đề nghị giải quyết, xét xử vắng mặt.

** Tại đơn trình bày, Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan - bà Vũ Thị L trình bày:* Bà là mẹ đẻ của anh Đỗ Đức G, nay anh G xin ly hôn chị Nguyễn Thị D, đề nghị Tòa án giải quyết cho anh G được ly hôn chị D. Anh G và chị D có 01 con chung là cháu Đỗ HA, sinh ngày 30/9/2015. Hiện nay, cháu Đỗ HA đang do bà nuôi dưỡng. Nay anh G, chị D ly hôn đề nghị Tòa án giao cho anh G nuôi dưỡng cháu HA, anh G không yêu cầu chị D cấp dưỡng nuôi con nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Hiện nay, anh G đang sinh sống và làm việc tại Đài Loan không thể trực tiếp nuôi cháu Đỗ HA. Anh G ủy quyền cho bà nuôi giúp cháu Đỗ HA trong thời gian anh G lao động ở nước ngoài đến khi anh G về nước, bà đồng ý. Việc cấp dưỡng nuôi cháu HA giữa bà và anh G hai bên tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Vì lý do công việc bà có đơn đề nghị giải quyết, xét xử vắng mặt.

** Biên bản xác minh tại Ủy ban nhân dân (UBND) xã Hòa Bình, huyện VT, tỉnh Thái Bình ngày 12/10/2022 thể hiện:* Ngày 16/11/2015, UBND xã Hòa Bình làm thủ tục đăng ký khai sinh cho cháu Nguyễn HA, sinh ngày 30/9/2015, họ tên mẹ là Nguyễn Thị D, không ghi họ tên cha đẻ. Ngày 02/12/2019 anh Đỗ Đức G và chị Nguyễn Thị D làm thủ tục đăng ký kết hôn, ngày 03/12/2019 UBND xã Hòa Bình làm thủ tục cha nhận con, trích lục đăng ký nhận cha con số 01/TL-CMC ngày 03/12/2019 bổ sung thông tin về người cha là anh Đỗ Đức G vào giấy khai sinh của cháu Nguyễn HA. Cùng ngày 03/12/2019, UBND xã Hòa Bình làm thủ tục thay đổi họ của cháu Nguyễn HA, đổi từ họ mẹ sang họ cha thành cháu Đỗ HA theo quy định của pháp luật.

** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Bình kết luận quá trình thực hiện tố tụng của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử, đương sự đảm bảo đúng pháp luật và đề nghị:* Áp dụng khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình:

- Về quan hệ hôn nhân: Xử cho anh Đỗ Đức G được ly hôn chị Nguyễn Thị D.

- Về quan hệ con chung: Giao con chung Đỗ HA, sinh ngày 30/9/2015 cho anh Đỗ Đức G trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc. Việc cấp dưỡng nuôi con không đặt ra giải quyết. Chấp nhận việc anh Đỗ Đức G ủy quyền cho bà Vũ Thị L nuôi dưỡng, chăm sóc cháu Đỗ HA trong thời gian anh G lao động làm ăn ở nước ngoài. Hai bên có quyền và nghĩa vụ chăm sóc con chung.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không đặt ra giải quyết.

- Về án phí: Anh Đỗ Đức G phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên, các quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

*** Về tố tụng:** Anh Đỗ Đức G, chị Nguyễn Thị D, bà Vũ Thị L có đơn đề nghị giải quyết, xét xử vắng mặt hợp lệ, áp dụng khoản 1 Điều 228, điểm a, b khoản 1 Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

*** Về nội dung:**

[1] Về quan hệ hôn nhân: Anh Đỗ Đức G và chị Nguyễn Thị D kết hôn hợp pháp, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã VH, huyện VT, tỉnh Thái Bình ngày 02/12/2019. Sau khi đăng ký kết hôn vợ chồng chung sống hòa thuận, hạnh phúc và cùng đi xuất khẩu lao động tại Đài Loan từ đầu năm 2020. Quá trình chung sống ở Đài Loan, vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, hai bên đã hòa giải đoàn tụ nhiều lần nhưng không thành và sống ly thân tự lo liệu cuộc sống riêng không quan tâm đến nhau từ tháng 10/2020. Nay anh G xin ly hôn, chị D đồng ý thể hiện mục đích hôn nhân giữa các đương sự không đạt được. Vì vậy, áp dụng khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, xử cho anh Đỗ Đức G được ly hôn chị Nguyễn Thị D là phù hợp pháp luật.

[2] Về con chung: Anh Đỗ Đức G và chị Nguyễn Thị D có 01 con chung là cháu Đỗ HA, sinh ngày 30/9/2015. Ly hôn, anh G đề nghị được nuôi dưỡng, chăm sóc con chung, không yêu cầu chị D cấp dưỡng, chị D nhất trí và đề nghị được quyền được thăm nom, chăm sóc đưa đón con chung và thay đổi quyền nuôi con theo quy định của pháp luật. Cháu Đỗ HA có đơn xin ở với bố. Do anh G đang ở nước ngoài nên không trực tiếp nuôi con được, anh G ủy quyền cho bà Vũ Thị L (mẹ anh G) chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Đỗ HA đến khi anh G về nước, các đương sự đều đồng ý. Xét thấy ý kiến thỏa thuận của các đương sự là phù hợp pháp luật, cần chấp nhận. Vì vậy, áp dụng Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình, giao con chung cho anh G trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Hai bên có quyền và nghĩa vụ chăm sóc con

chung. Về cấp dưỡng nuôi cháu Đỗ HA, Do anh G không yêu cầu chị D cấp dưỡng nuôi con và tự thỏa thuận với bà L nên Tòa án không đặt ra giải quyết.

[3] Về tài sản chung và nợ chung: Anh Đỗ Đức G và chị Nguyễn Thị D không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung và nợ chung, vì vậy không đặt ra giải quyết.

[4] Về án phí: Anh Đỗ Đức G phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng: khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 228, điểm a, b khoản 1 Điều 238, khoản 2 Điều 479 Bộ luật Tố tụng dân sự.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho anh Đỗ Đức G được ly hôn chị Nguyễn Thị D.

2. Về quan hệ con chung: Anh Đỗ Đức G nuôi con chung Đỗ HA, sinh ngày 30/9/2015. Việc cấp dưỡng nuôi con không đặt ra giải quyết.

Chấp nhận việc anh Đỗ Đức G ủy quyền cho bà Vũ Thị L (mẹ anh) nuôi dưỡng, chăm sóc cháu Đỗ HA trong thời gian anh Đỗ Đức G lao động làm ăn ở nước ngoài.

Hai bên có quyền và nghĩa vụ chăm sóc con chung.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Không đặt ra giải quyết.

4. Về án phí: Áp dụng khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Anh Đỗ Đức G phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm. Chuyển số tiền 300.000 đồng anh Đỗ Đức G nộp tạm ứng án phí theo Biên lai số 0005421 ngày 17/8/2022 (do anh Ngô Văn N nộp thay) tại Cục thi hành án dân sự tỉnh Thái Bình sang thi hành án phí.

Án xử công khai sơ thẩm vắng mặt anh Đỗ Đức G, chị Nguyễn Thị D, bà Vũ Thị L. Anh G, chị D có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 01 tháng, bà L có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt hợp lệ bản án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Thái Bình;
- Cục THADS tỉnh Thái Bình;
- UBND xã VH, h.VT;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu HC-TP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**
(đã ký)

Nguyễn Thị Phương Thảo